

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 12 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Kim Phước**.

2. Bà **Trần Thị Thanh Nhanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Hà Thị Thu Trân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà **Dương Hồng Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- **Bị đơn:** Ông **Lâm Văn N**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:**

Nguyên vào năm 2018, bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lâm Văn N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã E, huyện G, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị Phương T, ông Lâm Văn N chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, đường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà Nguyễn Thị Phương T, ông Lâm Văn N sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Phương T, ông Lâm Văn N có 03 (ba) người con chung tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019, Lâm Ngọc H1, sinh ngày 9/3/2022. Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lâm Văn N không có tài sản chung và nợ chung.

Nay bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Văn N.
- Về con chung: Yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017; Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 và Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022, không yêu cầu ông Lâm Văn N cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Căn cước công dân tên Nguyễn Thị Phương T (bản đối chiếu);
- + Bản sao Giấy khai sinh tên: Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017; Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 và Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022;
- + Giấy chứng nhận kết hôn;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Lâm Văn N. Nhưng ông Lâm Văn N thường xuyên không có mặt tại nhà và không có người nhận thay các văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh, hiện tại ông Lâm Văn N vẫn còn đăng ký thường trú tại: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Sóc Trăng. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Lâm Văn N không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Về hôn nhân vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn N. Đối với yêu cầu nuôi con Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 và Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022. Thì thay đổi chỉ yêu cầu nuôi con Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 do hiện nay đang được bà trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con chung tên Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022 đang được ông Lâm Văn N nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay nên bà Nguyễn Thị Phương T đồng ý tiếp tục giao cho ông Lâm Văn N nuôi

dưỡng đến khi thành niên và bà Nguyễn Thị Phương T không phải cấp dưỡng cho con chung cũng như bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu ông Lâm Văn N phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lâm Văn N vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Phương T đối với ông Lâm Văn N. Giao con chung tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; Giao con chung tên Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022 cho ông Lâm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, bà Nguyễn Thị Phương T, ông Lâm Văn N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 06/10/2023, bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Văn N có nơi cư trú tại: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Lâm Văn N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Văn N.

Xét về thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện

ban đầu và hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T cùng ông Lâm Văn N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã E cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 21/6/2018. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lâm Văn N là hợp pháp.

[2.2] Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Phương T: Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà Nguyễn Thị Phương T chung sống bên gia đình chồng tại Ấp D, xã E. Cuộc sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Văn N không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Nguyễn Thị Phương T đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà Nguyễn Thị Phương T, ông Lâm Văn N hàn gắn tình cảm, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Lâm Văn N đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T cho bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Lâm Văn N.

[2.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương T xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị Phương T và ông Lâm Văn N có ba người con chung tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 và Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022. Hiện nay con chung do bà Nguyễn Thị Phương T, ông Lâm Văn N nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 và Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022 thể hiện là con chung của bà Nguyễn Thị Phương T, ông Lâm Văn N.

[2.4] Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị Phương T về việc bà yêu cầu giao con chung tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 cho bà tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà đồng ý giao Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022 hiện nay do ông Lâm Văn N nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay.

[2.5] Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lâm Văn N đều vắng mặt và không có ý kiến gì với yêu cầu nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Phương T đưa ra. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản

2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và giao cháu Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022 cho ông Lâm Văn N nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[2.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Phương T xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần ông Lâm Văn N cũng như bà Nguyễn Thị Phương T phải cấp dưỡng cho con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.7] Bên cạnh đó ông Lâm Văn N cũng như bà Nguyễn Thị Phương T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lâm Văn N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Lâm Văn N.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/7/2017, Lâm Hữu H, sinh ngày 05/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên và giao cháu Lâm Ngọc H1 sinh ngày 19/3/2022 cho ông Lâm Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Lâm Văn N, bà Nguyễn Thị Phương T không phải cấp dưỡng cho con. Ông Lâm Văn N, bà Nguyễn Thị Phương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010056, ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Nguyễn Thị Phương T đã thực hiện xong). Ông Lâm Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Lâm Văn N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ S Ơ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc